

UBND HUYỆN HIỆP HÒA  
TTYT HUYỆN HIỆP HÒA

Số: 10 /TTYT-KD

Báo giá lần 7 tháng 03/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hiệp Hòa, ngày 19 tháng 03 năm 2025

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

**Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất sử dụng cho trang thiết bị y tế**

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm trang thiết bị y tế của đơn vị với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Người nhận báo giá: Nguyễn Thế Huy

- Chức Vụ: Trưởng khoa Dược – TTBYT

- SĐT: 0914.815.481

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa dược – Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà; Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh – Tổ dân phố số 3- Thị trấn Thắng – Hiệp Hoà – Bắc Giang.

- Nhận qua email: [ttythiephoa24007@gmail.com](mailto:ttythiephoa24007@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 18 tháng 03 năm 2025 đến hết ngày 02 tháng 04 năm 2025. <sup>(2)</sup>

*Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.*

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 90 ngày**, kể từ ngày 02 tháng 04 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục trang thiết bị y tế chi tiết như sau: (yêu cầu báo giá trọn gói)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
01	<p>Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số</p>	<p><b>Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật</b></p> <p><b><u>Yêu cầu chung:</u></b>  Máy mới 100%  Sản xuất năm 2024 trở về sau  Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA</p> <p><b><u>Cấu hình</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 01 Máy chính màn hình màu TFT 12,1"; hiển thị các thông số: ECG, SPO2, RESP, TEMP, NIBP</li> <li>+ 01 Dây nguồn .</li> <li>+ 01 Bảng đo huyết áp người lớn</li> <li>+ 01 Đầu đo nhiệt độ</li> <li>+ 01 Adapter (cáp nối sensor SpO2)</li> <li>+ 01 Sensor SPO2 cho người lớn và trẻ em (loại kẹp ngón tay)</li> <li>+ 01 Dây điện tim ECG</li> <li>+ 01 Xe đẩy chuyên dụng</li> <li>+ Bộ hướng dẫn sử dụng Anh – Việt: 01 bộ.</li> </ul> <p><b><u>Thông số kỹ thuật</u></b></p> <p><b><u>Ứng dụng</u></b>  Bệnh nhân sơ sinh, nhi khoa và người lớn</p> <p><b><u>Thông số kỹ thuật hiệu xuất</u></b>  Màn hình: Màn hình cảm ứng màu 12,1 inch  Hiển thị: 3,6, 8 dạng sóng  Chỉ số: Chỉ số báo động  Cảnh báo: Cảnh báo bằng đèn  Tiếng bíp và âm thanh báo động  Thời gian xử lý: 1 - 120 giờ.  Đầu ghi: Tích hợp, màng nhiệt, 3 kênh</p>	10	Máy

Chiều rộng đầu ghi: 48mm  
Đầu ghi giấy: 50mm  
Tốc độ ghi: 25 mm / s, 50mm / s

#### **ECCG**

Đầu vào: 5 cáp đầu vào ECG và tiêu chuẩn AAMI đường dây để kết nối

Lựa chọn chính: I, II, III, aVR, aVF, aVL, V, V1-V6, TEST

Lựa chọn khuếch đại: x0.5, x1, x2, x4

Đặc tính tần số: 0.05 ~ 35 HZ (+3dB)

Dạng sóng ECG: 7 kênh

Điện áp thâm nhập: 4000VAC 50/60Hz

Tốc độ quét: 12.5, 25, 50, 100 mm/sec (trái sang phải hoặc phải sang trái).

Phạm vi HR: 30 ~ 300bpm

Độ chính xác:  $\pm 1$ bpm or  $\pm 1\%$ ,

Cài đặt phạm vi giới hạn cảnh báo: Giới hạn trên 100 ~ 200bpm, giới hạn dưới 30 ~ 100bpm

#### **RESP**

Phương pháp đo: Trở kháng RA-LL

Dải: 0 ~ 120 rpm

Độ chính xác:  $\pm 3$  rpm

Dải cài đặt cảnh báo: 6 ~ 120 rpm

Giới hạn thấp 3 ~ 120 rpm

Tốc độ quét: 12.5, 25, 50, 100 mm/sec (trái sang phải hoặc phải sang trái)

#### **NIBP**

Công nghệ đo: đo dao động tự động

Thời : <30s (0 ~ 300 mmHg, tiêu chuẩn người lớn)

Thời gian đo: AVE<40s

Chế độ: Hướng dẫn sử dụng, khoảng đo tự động trong Chế độ tự động 2'~ 4 h.

Dải đo: Chế độ người lớn /trẻ em: SYS: 40 ~ 250 (mmHg)

DIA :15 ~ 200 (mmHg)



Chế độ sơ sinh: SYS: 40 ~ 135 (mmHg)  
DIA : 15 ~ 100 (mmHg)

Độ chính xác:

Lỗi trung bình tối đa:  $\pm 5$ mmHg  
Độ lệch chuẩn tối đa: 8mmHg

Độ phân giải: 1mmHg

Bảo vệ quá áp: Chế độ người lớn: 300 (mmHg)

Chế độ sơ sinh: 160 (mmHg)

Cài đặt giới hạn cảnh báo: SYS: 50 ~ 240 mmHg

DIA: 15 ~ 180 mmHg

#### TEMP

Dải: 25 ~ 50 (°C)

Độ chính xác:  $\pm 0.2^{\circ}\text{C}$  (25.0 ~ 34.9°C)

$\pm 0.1^{\circ}\text{C}$  (35.0 ~ 39.9°C)

$\pm 0.2^{\circ}\text{C}$  (40.0 ~ 44.9°C)

$\pm 0.3^{\circ}\text{C}$  (45.0 ~ 50.0°C)

Độ phân giải: 0.1°C

Cài đặt giới hạn cảnh báo: 0 ~ 50°C

Kênh: 2 kênh

#### SpO2

ASpO2: SpO2 chống chuyển động

Dải SpO2% : 0-100%

Độ chính xác SpO2 :  $\pm 2\%$  (70 ~ 100%, không chuyển động)

$\pm 3\%$  (70 ~ 100%, chuyển động).

Phạm vi xung: 30-250 bpm

Độ chính xác xung nhịp:  $\pm 2$  bpm (không chuyển động)

$\pm 3$  bpm (chuyển động)

Cài đặt giới hạn cảnh báo: 70 ~ 100%,

Đầu dò SpO2: Bước sóng ánh sáng đỏ 660nm $\pm 5$ nm

Bước sóng ánh sáng hồng ngoại 940nm $\pm 10$ nm

		<p><b>Nguồn:</b>          Nguồn: Nguồn AC ngoài hoặc pin trong AC          Nguồn: 100 ~ 240VAC, 50 / 60Hz, 150VA          Pin : Ion lithium tích hợp và có thể sạc lại          Thời gian hoạt động: 3+ giờ          Thông số kỹ thuật môi trường          Nhiệt độ: Hoạt động: 5 ~ 40 °C          Lưu trữ: -20 ~ 65 ° C          Phạm vi độ ẩm: Hoạt động: ≤80%          Lưu trữ: ≤80%</p> <p><b>Các tính năng tiêu chuẩn khác:</b>          OxyCRG, tính toán liều thuốc, xếp tầng ECG, Xu hướng NIPB trên màn hình (tối đa 250 bài đọc), mặc định người dùng, phát hiện chứng loạn nhịp tim, phân đoạn ST.</p>		
2	Bơm tiêm điện	<p><b>Yêu cầu chung:</b>          Máy mới 100%          Sản xuất năm 2024 trở về sau          Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485          Điều kiện môi trường hoạt động: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và phù hợp với điều kiện môi trường tại Việt Nam</p> <p><b>Cấu hình:</b>          Máy chính: 01 Chiếc          Pin Lithium 15V: 01 Chiếc          Dây nguồn: 01 chiếc</p> <p><b>Thông số kỹ thuật</b>          -Màn hình cảm ứng LCD TFT 4.3 inch, 10 mức độ hiển thị tương phản, giao diện dễ sử dụng.          -Phân loại: Bơm tiêm điện hệ thống mở phù hợp với nhiều loại xilanh          -Nguyên tắc: Động cơ bước dẫn trực vận hành liên tục          -Chế độ truyền: 7 chế độ có sẵn: ml/h, trọng lượng cơ thể, nhỏ giọt, tải liều, nối, trình tự và chế độ chuyển tiếp</p>	04	Chiếc



-Chế độ micro: 100ml đến 1200ml có thể lập trình  
-Phạm vi truyền dịch: 0.01-1500ml/h tùy thuộc vào kích cỡ xi lanh với min. tăng 0.01ml/h  
-Độ chính xác: >1ml/h, +2%  
-Chỉ số truyền: Cỡ xilanh 5ml: (0.01-100) ml/h; 10ml: (0.01-200) ml/h; 20ml: (0.01-400) ml/h; 30ml: (0.01-600) ml/h; 50ml: (0.01-1500)ml/h  
-Chỉ số Bolus: Cỡ xilanh 5ml: (0.1-100) ml/h; 10ml: (0.1-200) ml/h; 20ml: (0.1-400) ml/h; 30ml: (0.1-600) ml/h; 50ml: (0.1-1500)ml/h  
-Chỉ số thanh lọc: Cỡ xilanh 5ml: 100 ml/h; 10ml: 200 ml/h; 20ml: 400 ml/h; 30ml: 600 ml/h; 50ml: 1500 ml/h  
-Tốc độ KVO: 0.01-5ml/h, giá trị mặc định là 1ml/h  
-Dải chỉ số chế độ micro: Cỡ xilanh 5ml: (100-100) ml/h; 10ml:(100- 200) ml/h; 20ml: (100-400) ml/h; 30ml: (100 - 600) ml/h; 50ml: (100-1500) ml/h  
-Tốc độ dòng chảy tối thiểu tăng: 0.01ml/h  
-Bolus: Bolus thủ công và Bolus có thể lập trình, hỗ trợ chống Bolus  
-Khối lượng Bolus: tối thiểu 0.1ml, tối đa 50ml  
-VTBI(khối lượng được truyền): 0-9999ml, bước tối thiểu là 0.01ml  
-Tổng khối lượng truyền: 0.01-9999.99ml, bước tối thiểu là 0.01ml  
-Phạm vi thời gian: 1 phút đến 99h59 phút  
-Thanh lọc: 1500ml/h tùy thuộc vào kích cỡ xilanh  
-Phát hiện không khí: 7 cấp độ, độ nhạy 20µl  
-Mức hút: 12 mức  
-Lịch sử hồ sơ: hơn 5000 hồ sơ  
-Các chức năng khác: Gọi y tá, RS232, xuất dữ liệu  
-Giao diện: Mini USB  
-Kích thước: 394x90x123mm (RxDxC)  
-Trọng lượng: 1.7kg  
-Nguồn điện: AC100/240V, 50/60Hz  
-Công suất đầu vào: 50VA  
-Pin Lithium 11.1V 2600mAh  
-Thời gian sạc: 5h

		<p>-Thời gian làm việc: 12h khi sạc đầy</p> <p>-Cảnh báo: báo động hình ảnh và âm thanh VTBI gần cuối, VTBI truyền, áp lực cao, kiểm tra ngược dòng, pin gần hết, pin hết, không có pin, không có nguồn cấp điện, KVO hoàn thành, kết nối cảm biến thả, lỗi thả, bong bóng khí</p> <p>-Môi trường: nhiệt độ : 5-40 độ C, độ ẩm: 20-90% không ngưng tụ, áp suất: 86-106kPa, vận chuyển và lưu trữ: -20-60 độ C</p> <p>- Chống nước tiêu chuẩn IP24, chống bắn nước 360 độ</p>		
3	Máy rửa dạ dày	<p>I, Cấu Hình:</p> <p>Máy chính: 1 cái</p> <p>Phụ kiện: 1 Bộ</p> <p>HDSD tiếng Anh, Tiếng Việt: 1 Bộ</p> <p>II, Thông số kỹ thuật</p> <p>Hệ thống kiểm soát áp suất phản hồi.</p> <p>Cơ chế đảo ngược mạnh mẽ.</p> <p>Bảo vệ dòng chảy và áp suất.</p> <p>Chức năng cân bằng chất lỏng.</p> <p>Thuận tiện để sử dụng nhanh chóng và hiệu quả</p> <p>Áp lực rửa dạ dày: 47-55KPa</p> <p>Dòng chảy dạ dày</p> <p>Điều kiện đầu vào: <math>\leq 350\text{ml/T}</math></p> <p>Điều kiện đầu ra: <math>&lt; 450\text{ml/T}</math></p> <p>Cân bằng thể tích chất lỏng : <math>\leq 250\text{ml/T}</math></p> <p>Chu kỳ rửa dạ dày <math>&lt; 40\text{s}</math></p> <p>Độ ồn: <math>&lt; 55\text{dB(A)}</math></p> <p>Nguồn điện: AC220<math>\pm</math>22V, 50HZ<math>\pm</math>1HZ</p> <p>Công suất: <math>&lt; 80\text{VA}</math></p> <p>Kích thước: 40 x 34 x 19 cm</p> <p>Trọng lượng: 9.2kg</p> <p>Điều kiện hoạt động:</p> <p>- Nhiệt độ môi trường: 5- 40°C</p>	01	Chiếc



4	Đèn soi ven	<p>- Độ ẩm tương đối: <math>\leq 80\%</math>  - Áp suất không khí: 800 – 1060hPa</p> <p><b>Cấu hình bao gồm:</b>  - 01 Thiết bị điều khiển (code DIA120)  - 01 Tay cầm (Hand piece) (code DIA130)  - 01 Bộ sạc (code DIA140)  - 01 Hướng dẫn sử dụng</p> <p><b>Tính năng thông số kỹ thuật:</b>  - Cho phép việc tìm kiếm các vị trí tĩnh mạch dễ dàng hơn.  - Cũng có thể xác định các cấu trúc chứa dây khí hoặc chất lỏng sâu dưới bề mặt da.  - Đặc biệt thích hợp cho các bệnh nhân nhi, và các trẻ sơ sinh hoặc trẻ sinh non. Mạch tĩnh mạch và động mạch có thể được nhìn thấy rất rõ.  - Có đèn LED công suất cao màu đỏ và màu cam trang bị với dimmer chỉnh độ sáng.  - Ánh sáng màu cam đảm bảo độ tương phản tốt, ánh sáng màu đỏ có thể xâm nhập vào các mô sâu hơn. Dây là một loại thế khí chắn đoán tràn khí màng phổi và màng bụng (trần dịch màng tinh hoàn).  - Các góc phát quang: có  - Nguồn phát quang: đỏ, vàng  - Điều chỉnh độ sáng: có  - Kích thước: dài x rộng x cao (6.8 x 1.6 x 1.0), cm  - Nguồn sử dụng: Pin</p>	02	Chiếc	
5	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số (IBP )	<p><b>I. Cấu hình tiêu chuẩn:</b>  - Máy chính: 01 chiếc  - Cáp điện tim (ECG): 01 bộ  - Cảm biến đo SpO2 đầu ngón tay dùng nhiều lần và cáp: 01 bộ  - Bộ đo huyết áp không xâm nhập (NIBP): 01 bộ  - Bộ đo huyết áp xâm lấn (IBP): 01 bộ  - Cảm biến nhiệt độ da (TEMP): 01 chiếc</p>	02	Chiếc	



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây nguồn: 01 chiếc</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ</li> </ul> <p><b>2.Thông số kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màn hình: Màn cảm ứng LCD TFT 12.1 inch</li> <li>- Độ phân giải: 800 x 600 pixels</li> <li>- Theo dõi: hiển thị tới đa 8 dạng sóng</li> <li>- Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50 mm/s</li> <li>- Chỉ báo: nguồn, pin, đèn báo, QRS, phím, âm báo</li> <li>- Giao tiếp: cáp tín hiệu, nguồn AC, mạng, DB9, VGA, gọi điều dưỡng, USB, thẻ SD</li> <li>- Pin: Lithium (4 giờ vận hành liên tục)</li> <li>- Lưu thời gian: 120 giờ</li> <li>- Báo động: Người dùng có thể điều chỉnh giới hạn cao và thấp để cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh</li> <li>- Mạng: kết nối với hệ thống trung tâm (không dây và có dây)</li> <li>- Máy in (tùy chọn): máy in nhiệt tích hợp 2 kênh</li> <li>- Chế độ in: thủ công, liên tục, in khi có báo động, xác định thời gian</li> <li>- Tốc độ in: 25, 50mm/s</li> <li>- Cỡ giấy: 50mm</li> </ul> <p><b>EKG:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu đạo trình: 3 (I, II, III)</li> <li style="padding-left: 20px;">5 (I, II, III, V, aVR, aVL, aVF)</li> <li style="padding-left: 20px;">12 (I, II, III, V1-V6, aVR, aVL, aVF)</li> <li>- Cỡ sóng: x1/4, x1/2, x1, x2, x4, tự động</li> <li>- Tốc độ: 6.25, 12.5, 25, 50mm/s</li> <li>- Lọc: 0,5 – 40Hz (ché độ Mon), 0,05 – 130Hz (DIA), 1 – 20Hz (OPE)</li> <li>- Khoảng nhịp tim: Người lớn: 15 – 300bpm, trẻ em/sơ sinh: 15 – 350bpm</li> <li>- Độ chia: 1bpm</li> <li>- Độ lệch: ±1% hoặc ±2 bpm</li> </ul>	
--	--	--

- Thời gian báo động: <12s
- Phân đoạn ST: dò báo động: -0.20 – 0.2mV
- Phân tích loạn nhịp: có
- Báo động: chỉnh được mức cao, trung bình, thấp
- Chống nhiễu điện: Tần số dòng, phễu thuật điện và bảo vệ khử rung tim, phát hiện máy tạo nhịp tim

#### Nhịp thở

- Phương pháp: trở kháng lồng ngực
- Giới hạn : 0 - 120 rpm (người lớn), 0 - 150 rpm (trẻ em/ sơ sinh)
- Độ chia: 1rpm
- Độ chính xác: ±1rpm
- Báo động ngưng thở: 10 - 40s
- Báo động: điều chỉnh được giới hạn trên và dưới

#### SpO2:

- Giới hạn: 0 - 100%
- Độ chia: 1%
- Độ chính xác: ±2% (70 - 100%) người lớn/ trẻ em  
±3% (70 - 100%) trẻ em/sơ sinh  
Không xác định (0 – 69%)

- Giới hạn nhịp tim: 25 - 250bpm

- Độ lệch: ±3bpm (không chuyển động), ±5bpm (chuyển động)

- Báo động: Phạm vi giới hạn cao, trung bình, thấp do người dùng điều chỉnh

#### NIBP

- Phương pháp: tự động cảm biến dao động
- Chế độ: thủ công/ tự động
- Chế độ tự động: chỉnh từ 1 – 480 phút
- Kiểu: Tâm thu/ tâm trương/ trung bình
- Đơn vị đo: mmHg, kPa



- Khoảng đo:
- Cho tâm thu: Người lớn: 40 – 270mmHg  
Trẻ em: 40 – 200mmHg  
Trẻ sơ sinh: 40 – 135mmHg
- Cho tâm trương: Người lớn: 10 – 215 mmHg  
Trẻ em: 10 – 150 mmHg  
Trẻ sơ sinh: 10 – 100 mmHg
- Cho trung bình: Người lớn: 20 – 235 mmHg  
Trẻ em: 20 – 165 mmHg  
Trẻ sơ sinh: 20 – 110 mmHg
- Cảnh báo: Tâm thu/ tâm trương/ trung bình
- Độ chính xác:  $\pm 5$  mmHg
- Khoảng nhịp tim: 40 – 240bpm
- Bảo vệ quá áp: Người lớn: 300 mmHg  
Trẻ em: 240 mmHg,  
Sơ sinh: 150mmHg

#### Nhiệt độ

- Đơn vị : °F, °C
- Giới hạn : 0-50°C
- Độ chia : 0.1°C
- Độ chính xác :  $\pm 0.1^\circ\text{C}$

#### IBP

- Áp suất đo được: P1, P2, ART, PA, CVP, LAP, RAP, ICP
- Đơn vị đo: mmHg/kPa selectable
- Phạm vi đo: 0-300mmHg
- Độ chính xác:  $\pm 2\%$  (100-300mmHg)  
 $\pm 4\%$  (0-100mmHg)

6	<p>Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số (ETCO2 )</p>	<p><b><u>1.Cấu hình tiêu chuẩn:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chính: 01 chiếc</li> <li>- Cáp điện tim (ECG): 01 bộ</li> <li>- Cảm biến đo SpO2 đầu ngón tay dùng nhiều lần và cáp: 01 bộ</li> <li>- Bộ đo huyết áp không xâm nhập (NIBP): 01 bộ</li> <li>- Bộ đo huyết áp không xâm nhập (NIBP): 01 bộ</li> <li>- <b>Bộ đo ETCO2 : 01 bộ</b></li> <li>- Cảm biến nhiệt độ da (TEMP): 01 chiếc</li> <li>- Máy in nhiệt : 01 chiếc</li> <li>- Dây nguồn: 01 chiếc</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ</li> </ul> <p><b><u>2.Tính năng kỹ thuật:</u></b></p> <p>Thông số đo: ECG, SpO2, NIBP, Nhịp thở, nhiệt độ  Tùy chọn: IBP, , AG  Tự động điều chỉnh độ sáng màn hình thông qua cảm biến ánh sáng  Giao diện hiển thị rõ ràng, được thiết kế đẹp mắt phù hợp với thế kỷ 21  Đèn báo ở 3 mặt</p> <p><b><u>THÔNG SỐ KỸ THUẬT</u></b></p> <p><b><u>Giấy chứng nhận:</u></b>  ISO 13485:2003/EN ISO 13485:2012; ISO 9001:2008; CE (2018) ; FDA (2018)</p> <p><b><u>Điều kiện hoạt động</u></b>  Nhiệt độ: 5-40°C  Độ ẩm : 30-85% (không ngưng tụ)  Áp suất : 700-1060mbar</p> <p><b><u>Nguồn điện:</u></b>  Điện áp vào: 100-240V  Tần số: 50/60Hz  Công suất: 160VA</p> <p><b><u>Thông số kỹ thuật chuyên sâu</u></b></p>	02	Chiếc
---	---	--	----	-------



Màn hình: Màn cảm ứng LCD TFT 12 in, 800x600 pixels

Tốc độ quét: 12.5, 25, 50 mm/s

Đèn, chuông báo động

Pin: Lithium 11.1V 4400mAh

Tốc độ in : 12.5, 25, 50mm/s

**ECG:**

Kiểu Lead: 3-Lead(I, II, III)

5- Lead (I, II, III, aVR, aVL, aVF, V)

Chế độ: Chân đoán/ theo dõi/ phẫu thuật

Tốc độ quét sóng : 12.5, 25, 50 mm/s

**SpO2:**

Hiện thị: kỹ thuật số, kiểu sóng

Giới hạn :0-100%

Độ phân giải: 1bpm

Độ chính xác:  $\pm 2\%$  (70-100%)

$\pm 3\%$  (50-69%)

Giới hạn nhịp tim : 20-300bpm ( $\pm 3$ bpm)

Cài đặt cảnh báo: ngưỡng trên và dưới

**Nhịp thở**

Phương pháp: trở kháng lồng ngực

Giới hạn : 0-120 rpm

Độ chính xác:  $\pm 2$ rpm

**NIBP**

Phương pháp: tự động cảm biến dao động

Chế độ : thủ công/ tự động/ liên tục

Kiểu : Tâm thu/ tâm trương/ trung bình

Thời gian chế độ tự động : 1,2,3,4,5,10,15,30,60,90,120,180,240,480 phút

Đơn vị : mmHg/ Kpa

Cảnh báo : có cảnh báo cho giới hạn Tâm thu/ tâm trương/ trung bình

Độ chính xác:  $\pm 5$  mmHg

		<p>Giới hạn đo: 10-270mmHg</p> <p><b>Nhiệt độ</b>  Giới hạn : 0-50°C  Độ phân giải : 0.1°C  Độ chính xác : 0.3 ± °C  Đơn vị : °F, °C</p> <p><b>CO2</b>  Giới hạn : 0-150mmHg  Độ phân giải: EtCO2: 1mmHg  FiCO2: 1mmHg  AwRR: 1rpm  Độ chính xác: 0-40mmHg ± 1mmHg  41-70mmHg ± 5%  71-100mmHg ± 8%  101-150mmHg ± 10%</p>		
7	Huyết áp đê bàn	<p><b>1. Yêu cầu về cấu hình</b>  Máy đo huyết áp tự động kèm phụ kiện tiêu chuẩn cho một máy: 01 bộ,  bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Máy chính: 01 cái</li> <li>+ Tấm tựa cánh tay: 01 cái</li> <li>+ Giấy in: 01 cuộn</li> <li>+ Bộ chuyển đổi nguồn AC: 1 bộ</li> <li>+ Dây nguồn: 1 cái</li> <li>+ Hướng dẫn sử dụng (Tiếng Anh và tiếng Việt) : 1 bộ</li> </ul> <p><b>2. Yêu cầu kỹ thuật</b>  Có cảm biến phát hiện khuỷu tay, chỉ định vị trí đo phù hợp  Vòng bít di chuyển được  Máy đo tương thích cho cả tay trái và tay phải.  Màn hình hiển thị kỹ thuật số  Phương thức đo: dao động ké</p>	Cái	02



		<p>Bơm phòng: tự động  Dải đo: Huyết áp từ khoảng 0 đến <math>\geq 270</math> mmHg  Nhịp mạch: <math>\leq 40 - \geq 180</math> nhịp/phút  Độ chính xác:  + Huyết áp <math>\pm \leq 3</math>mmHg</p> <p>Chu vi cánh tay của băng đo: <math>\leq 20 - \geq 40</math> cm  In kết quả tự động sau khi đo  Bao bọc vòng bít có thể tháo ra và giặt bằng tay để vệ sinh</p>		
8	Máy điện tim 6 kênh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạo trình: 12 đạo trình tiêu chuẩn</li> <li>- Lựa chọn độ nhạy: 1/4, 1/2, 1, 2 cm/mV, thủ công hoặc tự động.</li> <li>- Hằng số thời gian: 3.2 giây hoặc lớn hơn</li> <li>- Đáp ứng tần số: 0.05Hz đến 150Hz (trong vòng -3dB)</li> <li>- Tỷ lệ loại nhiễu đồng pha: 103dB hoặc lớn hơn</li> <li>- Điện thế điện cực cực đại: <math>\pm 600</math>mV hoặc lớn hơn</li> <li>- Điện áp phân cực: <math>\pm 600</math>mV hoặc lớn hơn</li> <li>- Chuyển đổi A/D: 18 bit</li> <li>- Tần số lấy mẫu: 8000 mẫu/giây/kênh</li> <li>- Các bộ lọc nhiễu:</li> <li>Nhiều điện AC: -20dB hoặc ít hơn ở 50 hoặc 60Hz</li> <li>Nhiều điện Cơ: -3dB (-6dB/oct) ở 25 hoặc 35Hz</li> <li>Dịch tần: -3dB (-6dB/oct) ở 0.25 hoặc 0.5Hz</li> <li>+ Lưu trữ ECG: Bộ nhớ trong: Lưu trữ lên đến 500 cuộc thăm khám.</li> <li>+ Hiện thị:</li> <li>- Màn hình màu LCD rộng 7inch có chiếu sáng ngược.</li> <li>- Độ phân giải: 800 x 480</li> </ul>	Cái	01
<b>Tổng: 08 danh mục</b>				

2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: *cung cấp, vận chuyển vật tư, hóa chất đến tận khoa Dược - VTTBYT của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa.*

3. Thời gian giao hàng dự kiến: sau khoảng 1-5 ngày tính từ thời gian người cung ứng của đơn vị gọi hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán đầu quý này cho quý trước sau khi đơn vị đã nhận đủ các loại giấy tờ cần thiết để phục vụ cho thanh toán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

**Nơi nhận:**

- Lưu HS;
- Đăng website đơn vị;





**Mẫu báo giá**  
**BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hoà, chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

**1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan**

STT	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày, kể từ ngày 02 tháng 04 năm 2025 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,  
nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



### **Ghi chú:**

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.